TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 04/5/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Linh.

2. Ông Nguyễn Trường Ca.

- Thư ký phiên toà: bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị G, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người được chị Giới ủy quyền nhận các văn bản tố tụng: anh Vũ Văn H, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị G, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị G và bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là thành phố Chí Linh) ngày 09/3/1992. Sau đó anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau tại thôn K, xã H, thành phố C. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị G, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau nên giữa vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng. Điều này dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Tình trạng trên kéo dài, dù cả hai đều tìm cách thay đổi nhưng không có kết quả khiến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề. Chị và anh L đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L xác định từ năm 2017, chị G không chung sống với anh mà thuê nhà ở phường S, thành phố C. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, gặp gỡ nhau, mọi việc trong nhà đều do anh lo liệu, kể cả việc cưới của các con. Tuy nhiên, anh L không hiểu vì lý do gì mà chị G xin ly hôn anh và muốn vợ chồng có mặt tại Tòa án để dứt khoát mọi chuyện thì anh mới đồng ý ly hôn. Còn nếu chị G không có mặt thì anh cũng sẽ không có mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều xác định có 2 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 3/10/1992 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/10/1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị Q là mẹ đẻ của chị G xác định chị G và anh L có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chịu khó làm kinh tế, mọi việc đều do chị G lo toan, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Anh L còn chơi bời nên nợ nần và nhiều lần chị G phải đứng ra trả nợ. Sự việc này kéo dài nhưng anh L không thay đổi. Hiện anh chị đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn.

- Trưởng thôn K, xã H xác định không nắm được nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn của anh L và chị G nhưng biết anh chị đã sống ly thân từ lâu. Hiện anh L ở một mình, bố đẻ, mẹ đẻ đều đã mất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G đã ủy quyền cho em trai của chị là anh Vũ Văn H để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vì chị đi làm xa, ít khi có mặt ở địa phương.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn với anh L.

- Về con chung: 2 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 3/10/1992 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/10/1995 đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị G và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị G khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L có địa chỉ thường trú tại xã H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị G đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh L đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị G và anh Nguyễn Văn L kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 09/3/1992 tại UBND xã H, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2017, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Tình trạng trên kéo dài, mặc dù anh chị đã tìm nhiều cách khắc phục nhưng không có kết quả. Điều này dẫn đến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề, căng thẳng. Từ năm 2017, anh chị đã sống ly

thân, không gặp gỡ, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh L muốn chị G có mặt tại Tòa án để vợ chồng giải quyết dứt khoát nhưng chị G không có mặt nên vợ chồng không có điều kiện hòa giải. Anh L cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, tình trạng vợ chồng không thay đổi. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: anh chị có 2 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 3/10/1992 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/10/1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị G;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị G được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị G và anh L có 2 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 3/10/1992 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 26/10/1995. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003097 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị G đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H, thành phố C (số 04/1992);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà